

Số: /QĐ-UBND

Thanh An, ngày tháng 07 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai tình hình thực hiện ngân sách
6 tháng đầu năm 2024 của UBND xã Thanh An**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THANH AN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 28/12/2023 của Hội đồng nhân dân xã Thanh An về việc phê chuẩn dự toán thu chi ngân sách và phân bổ ngân sách xã Thanh An năm 2024;

Xét đề nghị của cán bộ Tài chính kế toán ngân sách xã;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện ngân sách 6 tháng đầu năm 2024 của UBND xã Thanh An (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức tài chính xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT,

Tăng Bá Hoàn

UBND Xã: Thanh An

Biểu số 113/CK TC -
NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ (06 THÁNG, NĂM)	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3 = 2/1
I	TỔNG SỐ THU	8.205.493.000	3.549.924.329	43,26
1	Các khoản thu xã hưởng 100 %	74.000.000	43.678.000	59,02
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	294.200.000	195.953.554	7,01
3	Thu bổ sung	5.337.293.000	3.013.310.000	56,46
	- Bổ sung cân đối ngân sách	5.337.293.000	2.668.644.000	50
	- Bổ sung có mục tiêu			
4	Thu chuyển nguồn			
II	TỔNG SỐ CHI	8.205.493.000	2.526.224.590	30,79
1	Chi đầu tư phát triển	2.500.000.000	0	
2	Chi thường xuyên	5.580.493.000	2.526.224.590	44,28
3	Dự phòng	125.000.000		

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSNN	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	8.205.493.000	8.205.493.000	3.549.924.929	3.549.924.929	43,26	43,26
I	Các khoản thu 100%	74.000.0000	74.000.0000	43.678.000	43.678.000	59,02	59,02
1	Phí, lệ phí	9.000.000	9.000.000	3.907.000	3.907.000	43,41	43,41
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	50.000.000	50.000.000	20.280.000	20.280.000	40,56	40,56
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định			35	35		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác	15.000.000	15.000.000	19.456.000	19.456.000	129,71	129,71
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.794.200.000	2.794.200.000	195.953.554	195.953.554	7,01	7,01
1	Các khoản thu phân chia	115.000.000	115.000.000	27.436.450	27.436.450	23,86	23,86
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	87.000.000	87.000.000	300	300		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000.000	6.000.000	9.300.000	9.300.000	155,00	155,00
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	22.000.000	22.000.000	17.836.450	17.836.450	81,07	81,07
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	2.679.200.000	2.679.200.000	168.517.104	168.517.104	6,29	6,29
2.1	Thu tiền sử dụng đất	2.500.000.000	2.500.000.000				

2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	124.000.000	124.000.000	109.233.367	109.233.367	88,09	88,09
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	55.200.000	55.200.000	59.283.737	59.283.737	107,4	107,4
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn			296.982.775	296.982.775		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.337.293.000	5.337.293.000	3.013.310.000	3.013.310.000	56,46	56,46
1	Thu bổ sung cân đối	5.337.293.000	5.337.293.000	2.668.644.000	2.668.644.000	50	50
2	Thu bổ sung có mục tiêu			344.666.000	344.666.000		

UBND Xã: Thanh An

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XD CB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	8.205.493.000	2.500.000.000	5.705.493.000	2.526.224.590		2.526.224.590	30,79		44,28
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	14.000.000		14.000.000	1.020.000		1.020.000	7,29		7,29
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	14.000.000		14.000.000						
4	Chi văn hóa, thông tin	24.000.000		24.000.000	18.246.168		18.246.168	76,03		
5	Chi phát thanh, truyền thanh	19.000.000		19.000.000	11.090.000		11.090.000	58,37		
6	Chi thể dục, thể thao	20.000.000		20.000.000	19.713.690		19.713.690	98,57		
7	Chi bảo vệ môi trường	22.000.000		22.000.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	43.000.000		43.000.000	18.299.000		18.299.000	101,66		
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.826.761.000		4.826.761.000	1.993.829.192		1.993.829.192	41,3		41,03
10	Chi cho công tác xã hội	507.432.000		507.432.000	428.339.220		428.339.220	84,41		84,41
11	Chi khác	90.300.000		90.300.000	35.687.320		35.687.320	39,52		39,52
12	Dự phòng	125.000.000		125.000.000						